

Số: /DNA-CĐVT

Lâm Đồng, ngày tháng năm 2026

V/v: Mời báo giá vật tư phục vụ sửa
chữa một số đường ống các khu vực
thuộc phân xưởng Kết tinh

Kính gửi: Các nhà cung cấp

Công ty Nhôm Đắc Nông - TKV (DNA) trân trọng cảm ơn các nhà cung cấp đã quan tâm, phối hợp, hỗ trợ DNA trong thời gian vừa qua. Hiện nay, DNA đang triển khai kế hoạch sửa chữa một số đường ống các khu vực thuộc phân xưởng Kết tinh. DNA kính mời các nhà cung cấp có đủ năng lực, kinh nghiệm tham gia báo giá các vật tư phục vụ sửa chữa hạng mục nêu trên (*theo phụ lục 1 đính kèm*).

Quý nhà cung cấp quan tâm xin gửi báo giá về một trong hai địa chỉ sau đây trước ngày 06/02/2026.

- **Địa chỉ 1:** Phòng Cơ điện - Vận tải, Công ty Nhôm Đắc Nông - TKV, thôn 11, xã Nhân Cơ, tỉnh Lâm Đồng đối với bản giấy.

- **Địa chỉ 2:** Email: dnacdv@gmail.com đối với file điện tử.

Lưu ý: Các nhà cung cấp điền đầy đủ thông tin như **phụ lục 2** kèm theo và ký tên đóng dấu đầy đủ. Trường hợp nhà cung cấp gửi trực tiếp báo giá tại văn phòng của DNA vui lòng mang theo giấy giới thiệu, CCCD của người gửi để làm thủ tục giao nhận.

Nhà cung cấp muốn biết thêm chi tiết xin liên hệ ông Phan Văn Thụy - Trưởng phòng Cơ điện - Vận tải theo số: 0986.420.905

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Website công ty (đăng tải);
- Lưu: VT, CĐVT (NTA).

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Trần Tiến Dũng

PHỤ LỤC 1
THÔNG SỐ VẬT TƯ

Stt	Tên vật tư	Thông số kỹ thuật	Đvt	Số lượng	Ghi chú
1	Bông khoáng	Dày 50mm (tỷ trọng 80kg/m ³)	kg	720	
2	Bông khoáng	Dày 60mm (tỷ trọng 80kg/m ³)	kg	430	
3	Bông khoáng	Dày 70mm (tỷ trọng 80kg/m ³)	kg	290	
4	Bu lông	M20x85mm; ren suốt; cường lực 8.8; đen; bao gồm 01 bu lông + 02 đai ốc + 01 đệm vênh + 01 đệm phẳng	bộ	1.292	
5	Bu lông	M24x100mm; ren suốt; cường lực 8.8; đen; bao gồm 01 bu lông + 02 đai ốc + 01 đệm vênh + 01 đệm phẳng	bộ	776	
6	Bulông	M20x105mm; ren suốt; cường lực 8.8; đen; bao gồm 01 bu lông + 02 đai ốc + 01 đệm vênh + 01 đệm phẳng	bộ	18	
7	Co 45°	DN150 SCH40 A234	cái	13	
8	Co dài 90°	DN150 SCH40 A234	cái	14	
9	Co dài 90°	DN200 SCH40 A234	cái	5	
10	Co dài 90°	DN300 SCH40 A234	cái	55	
11	Co dài 90°	DN350 SCH40 A234	cái	4	
12	Co ngắn 90°	DN150 SCH40 A234	cái	15	
13	Co ngắn 90°	DN300 SCH40 A234	cái	10	
14	Côn giảm	DN150x100 SCH40 A234	cái	2	
15	Côn giảm	DN350x250 SCH40 A234	cái	4	
16	Mặt bích	DN150 PN10 RF A105	cái	13	

Stt	Tên vật tư	Thông số kỹ thuật	Đvt	Số lượng	Ghi chú
17	Mặt bích	DN150 PN16 RF A105	cái	144	
18	Mặt bích	DN200 PN16 RF A105	cái	12	
19	Mặt bích	DN250 PN16 RF A105	cái	4	
20	Mặt bích	DN300 PN10 RF A105	cái	5	
21	Mặt bích	DN300 PN16 RF A105	cái	55	
22	Mặt bích	DN350 PN16 RF A105	cái	8	
23	Mặt bích mù	DN150 PN16 RF A105	cái	1	
24	Mặt bích số 8	DN200 PN16 RF A105	cái	3	
25	Ống thép đúc	DN150 SCH40 A106 Gr.B	m	360	
26	Ống thép đúc	DN200 SCH40 A106 Gr.B	m	23	
27	Ống thép đúc	DN300 SCH40 A106 Gr.B	m	108	
28	Ống thép đúc	DN350 SCH40 A106 Gr.B	m	34	
29	Tê đều	DN150 SCH40 A234	cái	11	
30	Tê đều	DN200 SCH40 A234	cái	3	
31	Tê đều	DN300 SCH40 A234	cái	10	
32	Tê giảm	DN300x200 SCH40 A234	cái	10	
33	Tôn phẳng	inox 304 0,4mm	m ²	470	
34	Vít	M4x20	cái	5.064	
35	Cao su tấm	Dày 5mm	m ²	35	
36	Dây thép mạ kẽm	Ø1mm	kg	16	
37	Lưới thép mạ kẽm	10x10x0,5mm	m ²	470	
38	Que hàn	KT-421 3,2mm	kg	410	

PHỤ LỤC 2
MẪU BIỂU BÁO GIÁ

STT	Tên vật tư	Quy cách/thông số kỹ thuật/danh điểm	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Thời gian bảo hành	Thời gian, tiền độ cung cấp	Giấy tờ kèm theo	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
1												
2												
3												
	Tổng cộng trước thuế:											
	Thuế GTGT:											
	Tổng cộng sau thuế:											
	Bằng chữ:.....											

Yêu cầu khác: Thời gian hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 45 ngày